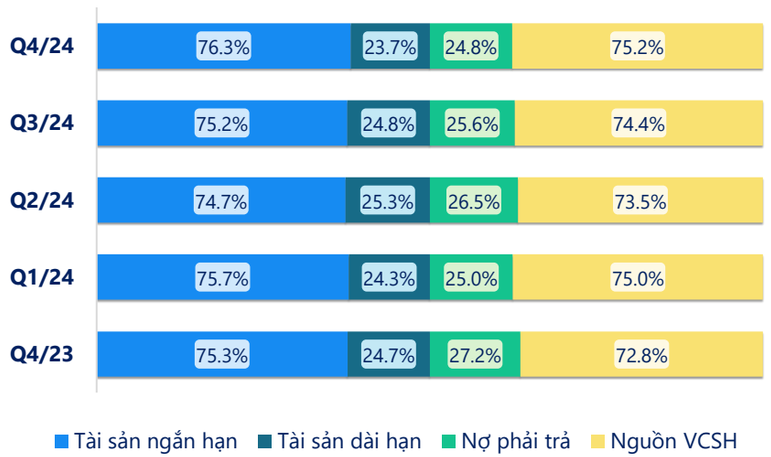
FireAnt

CTCP Mirae (HSX: KMR)

Thông tin giao dịch	31/12/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	3,250
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	3,630
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	3,200
SL cổ phiếu LH	56,877,807
KLGD BQ 20 phiên (CP)	9,230
% sở hữu nước ngoài	62.6%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	185
P/E	25.3
EPS	129

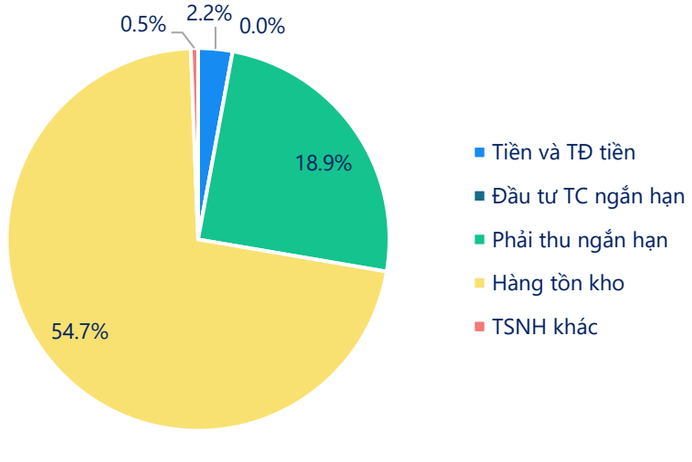
	YTD	1T	3T	6T
KMR	0.6%	1.2%	-7.4%	
VNINDEX	2.1%	-0.2%	-1.3%	

Cơ cấu Tổng tài sản



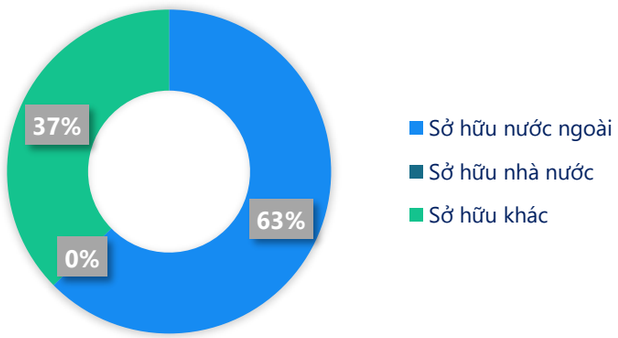
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



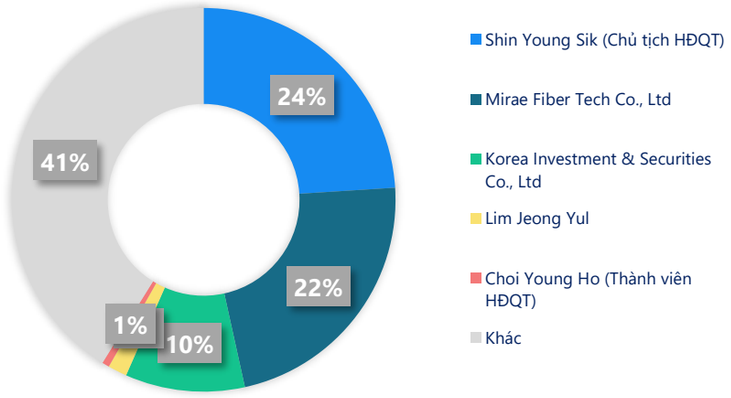
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



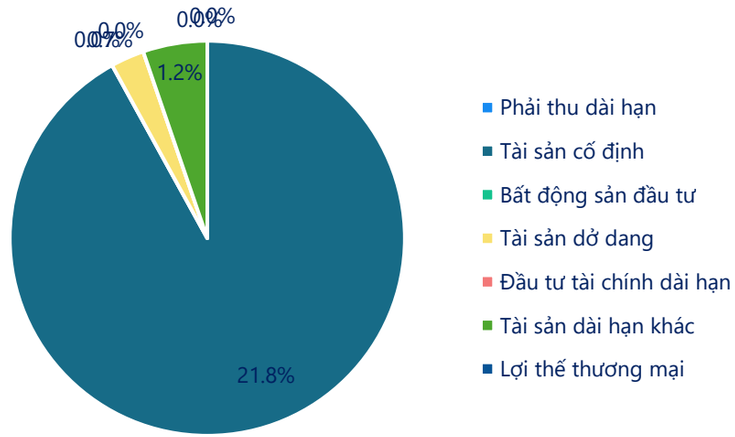
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

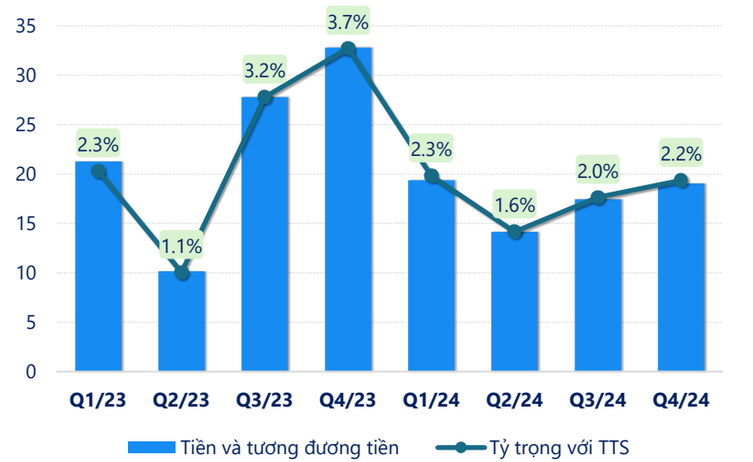


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

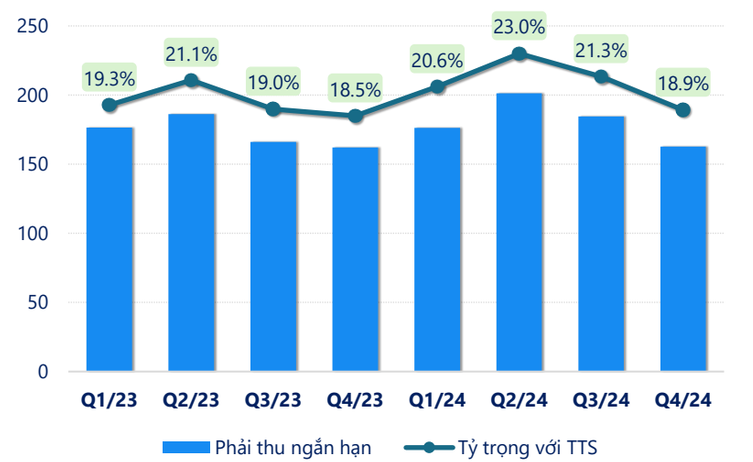
CTCP Mirae (HSX: KMR)

Tiền và tương đương tiền



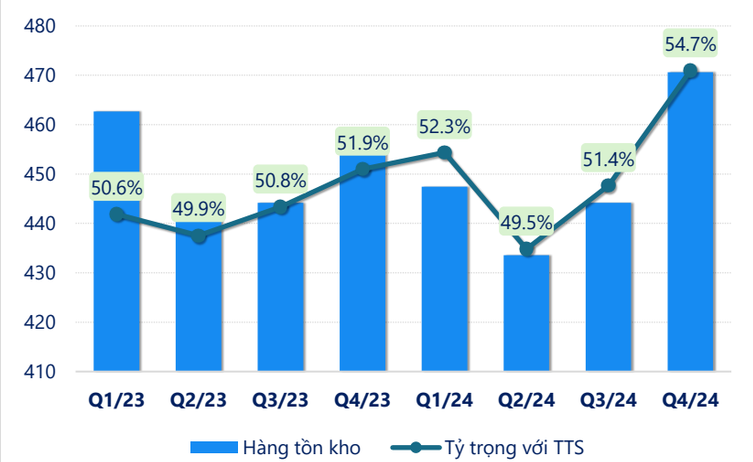
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



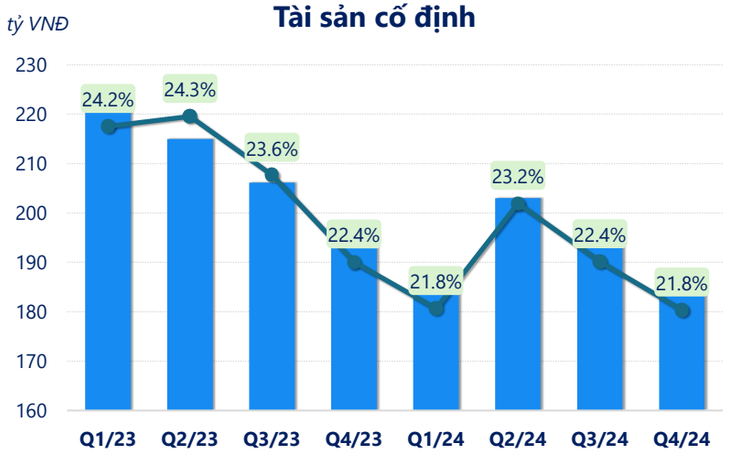
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



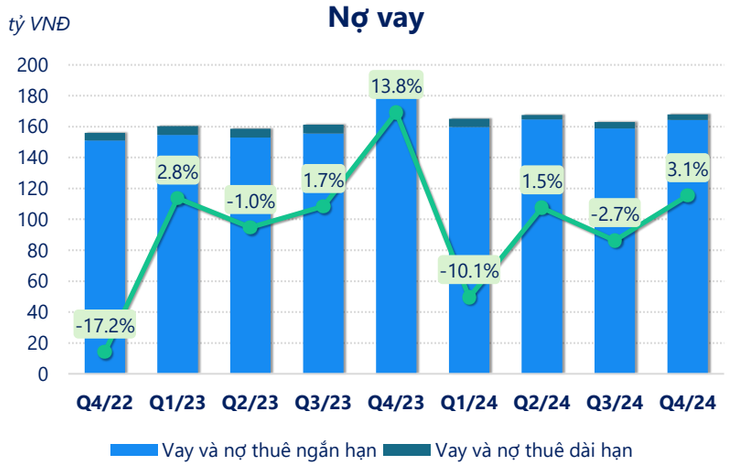
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



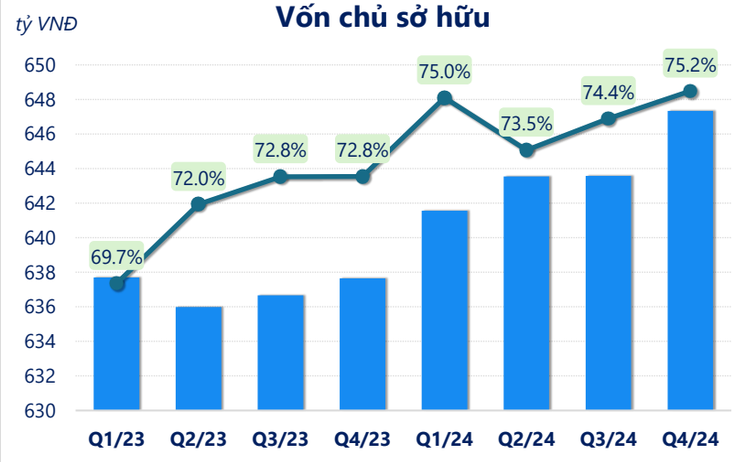
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

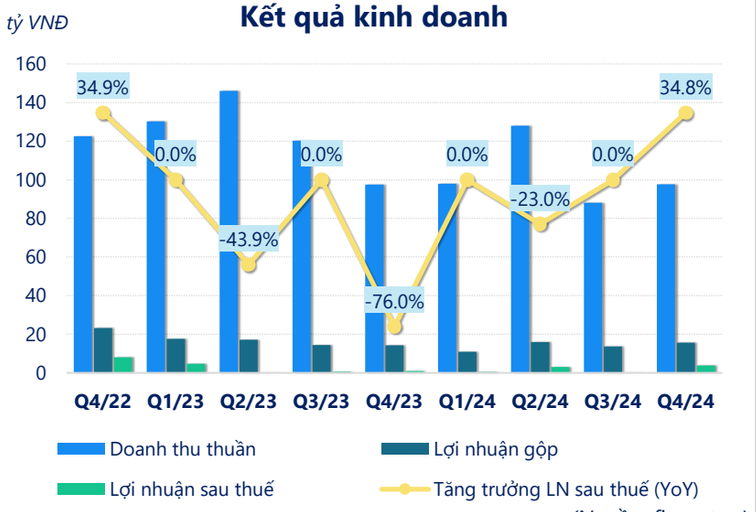


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

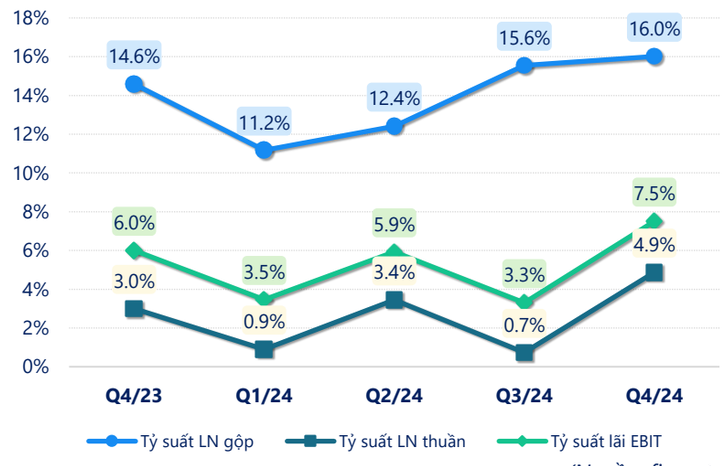
CTCP Mirae (HSX: KMR)

Kết quả kinh doanh



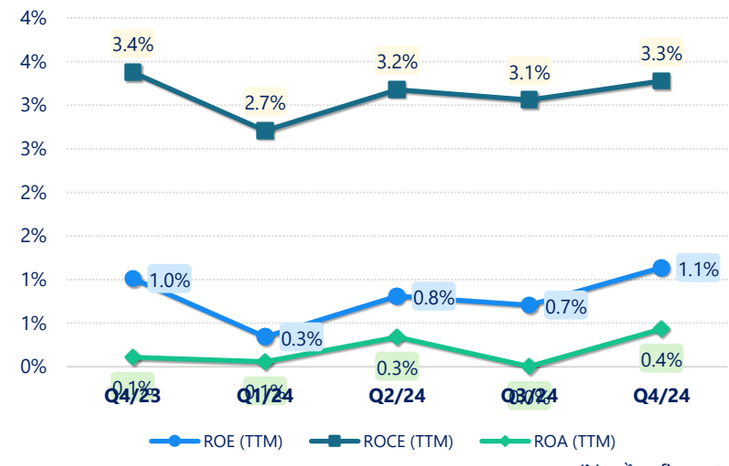
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



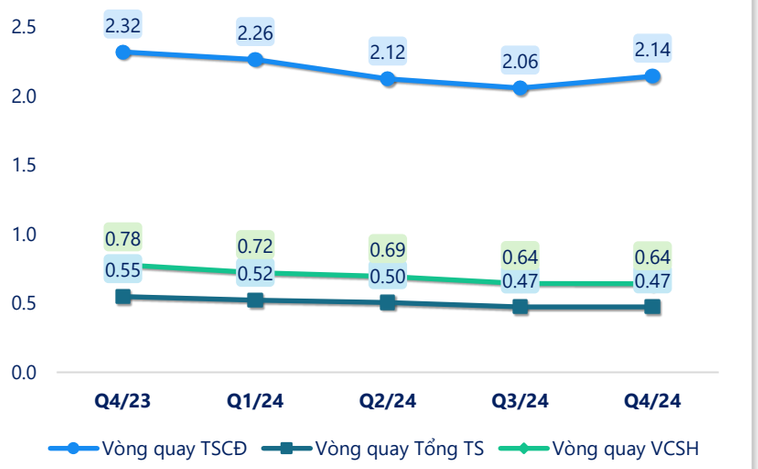
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



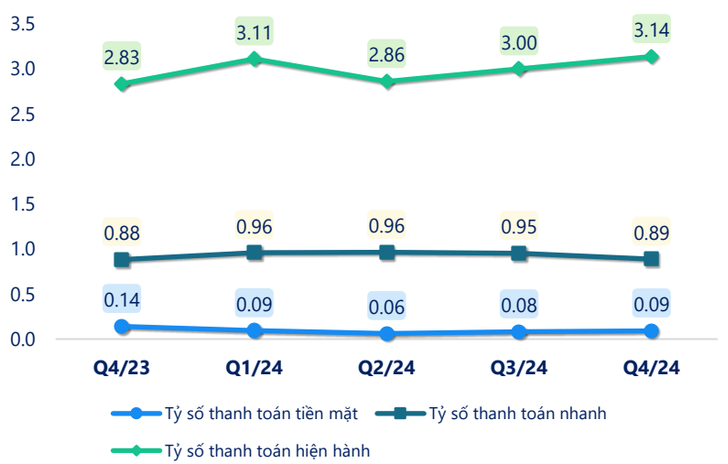
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



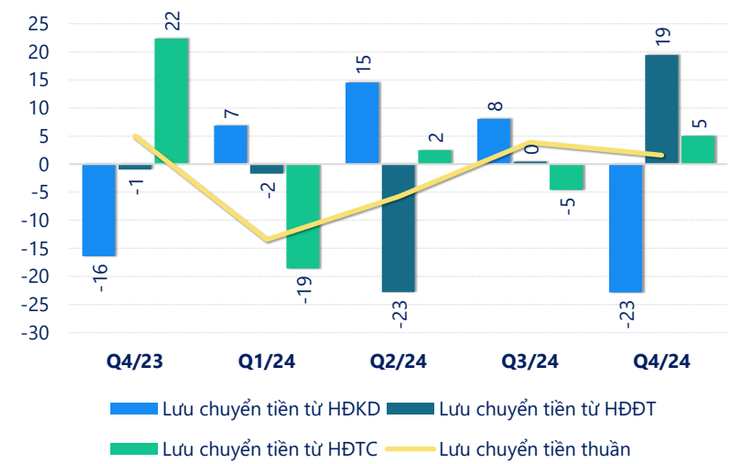
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Mirae (HSX: KMR)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**860**	**879**	**-2.2%**
Tài sản ngắn hạn	656	663	-1.0%
Tiền và tương đương tiền	19.0	32.8	-41.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	163	162	0.4%
Hàng tồn kho	471	458	2.8%
Tài sản ngắn hạn khác	4.01	10.6	-62.2%
Tài sản dài hạn	**204**	**216**	**-5.7%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	188	197	-4.6%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	5.59	7.94	-29.6%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**10.7**	**11.8**	**-9.2%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	213	238	-10.7%
Nợ ngắn hạn	**209**	**234**	**-10.7%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	164	180	-8.5%
Phải trả người bán ngắn hạn	19.9	19.9	0.0%
Nợ dài hạn	3.68	4.09	-10.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	3.68	4.09	-10.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**647**	**641**	**1.0%**
Vốn chủ sở hữu	**647**	**641**	**1.0%**
Vốn điều lệ	569	569	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Doanh thu thuần	97.5	97.9	128	88.2	97.6
Giá vốn hàng bán	83.2	87.0	112	74.4	82.0
Lợi nhuận gộp	14.2	10.9	15.9	13.7	15.6
Doanh thu HĐTC	2.24	0.42	3.12	-0.35	2.84
Chi phí TC	5.41	2.88	3.88	2.58	4.55
Chi phí lãi vay	4.22	2.88	3.49	2.81	2.70
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	3.04	3.32	5.48	5.30	3.84
Chi phí QLDN	5.07	4.28	5.23	4.83	5.33
LN thuần từ HĐKD	2.93	0.89	4.41	0.65	4.76
Lợi nhuận khác	-1.30	-0.37	-0.32	-0.55	-0.13
LN trước thuế	1.63	0.52	4.09	0.10	4.63
Lợi nhuận sau thuế	0.99	0.52	2.99	0.03	3.76
LNST của CĐ cty mẹ	0.99	0.52	2.99	0.03	3.76

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-16.4	6.83	14.5	8.04	-22.8
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-0.96	-1.70	-22.8	0.44	19.4
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	22.3	-18.6	2.48	-4.59	5.01
Tiền đầu kỳ	27.8	32.8	19.4	14.2	17.4
Lưu chuyển tiền thuần	**5.00**	**-13.4**	**-5.81**	**3.88**	**1.61**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0.61	-0.61	0
Tiền cuối kỳ	32.8	19.4	14.2	17.4	19.0

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic